TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA

KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

⸎⸎⸎⸎⸎



TIỂU LUẬN

Học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lê-nin

Giảng viên: Gs. Đồng Thị Tuyền

Đề bài: “Phân tích những điều kiện ra đời của nền sản xuất hàng hóa và liên hệ ở Việt Nam”

Mã số: BS12002

Mục lục

Phần 1: Mở đầu

Phần 2: Nội dung đề tài

2.1. [Khái niệm về sản xuất hàng hóa](https://luathoangphi.vn/dieu-kien-ra-doi-va-ton-tai-cua-san-xuat-hang-hoa-y-nghia-thuc-tien-doi-voi-viet-nam/" \l "Khai_niem_ve_san_xuat_hang_hoa" \o "Khái niệm về sản xuất hàng hóa?).

2.2. [Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa](https://luathoangphi.vn/dieu-kien-ra-doi-va-ton-tai-cua-san-xuat-hang-hoa-y-nghia-thuc-tien-doi-voi-viet-nam/" \l "Dieu_kien_ra_doi_va_ton_tai_cua_san_xuat_hang_hoa" \o "Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa).

**a) Phân công lao động xã hội.**

**b) Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế của những người sản xuất.**

Phần 3: Liên hệ

3.1. [Ý nghĩa thực tiễn đối với Việt Nam và xu thế sản xuất hàng hóa](https://luathoangphi.vn/dieu-kien-ra-doi-va-ton-tai-cua-san-xuat-hang-hoa-y-nghia-thuc-tien-doi-voi-viet-nam/" \l "Y_nghia_thuc_tien_doi_voi_Viet_Nam_va_xu_the_san_xuat_hang_hoa" \o "Ý nghĩa thực tiễn đối với Việt Nam và xu thế sản xuất hàng hóa)

Phần 4: Kết luận

Phần 5: Tài liệu tham khảo

Sinh viên thực hiện:

1. Vũ Trường An \_ 20010269
2. Nguyễn Thị Mai Anh \_ 20010035
3. Nguyễn Thị Phương Anh \_ 20010034
4. Bùi Việt Anh \_ 20010229
5. Nguyễn Đức Anh \_ 20010694
6. Nguyễn Ngọc Anh \_ 20010190
7. Nguyễn Thị Phương Anh \_ 20010194
8. Nguyễn Việt Anh \_ 20010659
9. Ngô Quỳnh Anh \_ 20010270
10. Triệu Thị Minh Anh \_ 20010230

LỜI NÓI ĐẦU

Trong thời kì đầu của xã hội loài người, do sự lạc hậu của lực lượng sản xuất, nền sản xuất của xã hội mang tính tự cung tự cấp khiến nhu cầu của con người bị bó hẹp trong một giới hạn nhất định. Khi lực lượng sản xuất phát triển và có nhiều thành tựu mới, con người dần thoát khỏi nền kinh tế tự nhiên và chuyển sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa. Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức sản xuất trong đó sản phẩm làm ra không phải để đáp ứng nhu cầu của người trực tiếp sản xuất mà đáp ứng nhu cầu của xã hội thông qua trao đổi mua bán.

Ở nước ta, đại hội Đảng VI (1986) là một bước ngoặt lịch sử của nền kinh tế với đường lối mới của Đảng để phát triển đất nước. Theo đó ta xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN. Tư tưởng ấy càng được nhấn mạnh trong các kì đại hội tiếp theo của Đảng.

Cho tới nay, sau hơn mười năm đổi mới, nước ta đã gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể. Tuy nhiên bên cạnh đó còn có khá nhiều những mặt cần điều chỉnh.

Một số suy nghĩ giải pháp qua nghiên cứu kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường đang diễn ra ở nước ta hiện nay sẽ phần nào giúp ta hiểu rõ hơn về thực trạng của nước ta trong thời kì này.

NỘI DUNG

2.1 Khái niệm về sản xuất hàng hóa

* Hoạt động sản xuất hàng hóa được hình thành từ khời kì trung đại. Sự phát triển của việc sản xuất cộng với việc chiếm hữu nô lệ đã tạo ra hoạt động sản xuất quy mô lớn. Hoạt động này được khẳng định và công nhận từ Triết học Mác – Lênin theo ngôn ngữ kinh tế là sản xuất hàng hóa.
* Sản xuất hàng hóa là một khái niệm được sử dụng trong kinh tế chính trị Mác-Lênin dùng để chỉ về kiểu tổ chức kinh tế trong đó sản phẩm được sản xuất ra không phải là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người khác, thông qua việc trao đổi, mua bán. Hay có thể hiểu, sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế mà sản phẩm sản xuất ra là để bán.
* Đặc điểm của hàng hóa:
* Giá trị hàng hóa: Giá trị hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh bên trong hàng hóa. Giá trị là nội dung bên trong của hàng hóa, nó được biểu hiện ra bên ngoài bằng việc hai hàng hóa có thể trao đổi được với nhau. Giá trị hàng hóa cũng có những đặc điểm riêng:

+ Giá trị hàng hóa biểu hiện mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.

+ Giá trị hàng hóa là phạm trù lịch sử chỉ tổn tại ở kinh tế hàng hóa.

* Giá trị sử dụng: Giá trị sử dụng là công dụng của hàng hóa có thể thỏa mãn một số nhu cầu nào đó của con người. Đối với giá trị sử dụng, hàng hóa có các đặc trưng, cụ thể:

+ Do thuộc tính tự nhiên của hàng hóa quyết định.

+ Giá trị hàng hóa không nhất thiết chỉ có một giá trị sử dụng duy nhất. Khi khoa học kỹ thuật càng phát triển người ta càng phát hiện ra nhiều thuộc tính mới của hàng hóa và sử dụng chính cho nhiều mục đích khác nhau.

+ Là phạm trù vĩnh viễn vì nó tồn tại trong mọi phương thức hoặc mọi kiểu tổ chức sản xuất.

+ Giá trị này không dành cho bản thân người sản xuất hàng hóa mà cho người tiêu dùng hàng hóa. Người mua có quyển sở hữu và sử dụng hàng hóa theo mục đích của họ. Hay nói cách khác, sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu của xã hội.

2.2 [Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa](https://luathoangphi.vn/dieu-kien-ra-doi-va-ton-tai-cua-san-xuat-hang-hoa-y-nghia-thuc-tien-doi-voi-viet-nam/#Dieu_kien_ra_doi_va_ton_tai_cua_san_xuat_hang_hoa)

1. Phân công lao động:

* Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động xã hội một cách tự phát thành các ngành nghề, là sự chuyên môn hóa lao động, tức là nền kinh tế quốc dân phân công lao động xã hội tạo ra sự chuyên môn hoá trong sản xuất.
* Là có sự chuyên môn hóa sản xuất, phân chia lao động xã hội vào các ngành, các lĩnh vực sản xuất khác nhau. Do đó, tất yếu dẫn đến trao đổi mua bán. Sự phân công lao động cũng làm cho năng suất lao động tăng lên sản phẩm thặng dư ngày càng nhiều và trao đổi sản phẩm ngày càng phổ biến.
* Phân công lao động xã hội ra đời và ngày càng phát triển là một luật tất yếu của sản xuất xã hội. Cơ sở của sự phân công lao động xã hội căn cứ vào sự khác nhau về điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội cũng như năng lực của mỗi cá nhân, mỗi tập thể trong mỗi vùng của nền kinh tế. Đồng thời cũng căn cứ vào nhu cầu của xã hội về các loại sản phẩm khác nhau ngày càng lớn.
* Như vậy, phân công lao động xã hội là cơ sở, là tiền đề của sản xuất hàng hoá. Mác chỉ rõ: “Sự phân công lao động xã hội này là điều kiện tồn tại của nền sản xuất hàng hoá, mặc dù ngược lại, sản xuất hàng hoá không phải là điều kiện tồn tại của sự phân công lao động xã hội. Phân công lao động xã hội càng phát triển, thì sản xuất và trao đổi hàng hoá càng mở rộng hơn, đa dạng hơn.”
* Phân công lao động gồm:
  + Phân công lao động theo giới tính: một hình thái phân công lao động tự nhiên, tồn tại ở giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy, nhưng trong một tập thể hoặc một nhóm người sống chung với nhau, các hình thức phân công lao động được phân theo nam nữ. Đàn ông lo việc săn bắn, đàn bà hái lượm. Cách phân công lao động này tiếp tục trong những thời kỳ lịch sử muộn hơn vào cuối xã hội nguyên thủy, ngay cả trong xã hội có giai cấp tiền tư bản chủ nghĩa, tuy có phải thu hẹp lại rất nhiều.
  + Phân công lao động theo lứa tuổi: một hình thái phân công lao động tự nhiên, tồn tại ở giai đoạn đầu của xã hội nguyên thuỷ. Nghĩa là, trong một tập thể hoặc nhóm người có quan hệ huyết thống gần gũi, mọi loại hình lao động được chia theo lứa tuổi: trẻ con, thanh niên, người lớn, người già, tuỳ theo sức lực, kĩ năng và kinh nghiệm của từng lứa tuổi.
  + Phân công lao động theo lãnh thổ: một hình thức đặc biệt của phân công lao động xã hội, mà kết quả mỗi địa phương căn cứ vào điều kiện đặc thù của mình sẽ chuyên môn hoá sản xuất về một (hay một số) sản phẩm, đôi khi chỉ một bộ phận nào đó của sản phẩm, để cung cấp cho nhu cầu của các vùng khác trong nước và cả nước ngoài. Phân công lao động theo lãnh thổ phát triển theo đà phát triển của nền kinh tế hàng hoá. Phân công lao động theo lãnh thổ nâng cao năng suất lao động xã hội do đã sử dụng hợp lí thế mạnh của từng vùng sản xuất, tổ chức hợp lí mối liên hệ lãnh thổ sản xuất và tiêu thụ, dựa trên một mạng lưới giao thông vận tải tốt. Phân công lao động theo lãnh thổ là nhân tố tạo ra vùng kinh tế quan trọng nhất.
  + Phân công lao động chung là phân chia nền kinh tế thành các loại sản xuất khác nhau như công nghiệp, nông nghiệp, vận tải...
  + Phân công lao động riêng (phân công lao động đặc thù) là phân chia sản xuất thành những ngành và phân ngành như công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến, ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi...
  + Phân công lao động cá biệt là phân công trong nội bộ xí nghiệp.
* Sự ra đời và tồn tại của phân công lao động xã hội tất yếu dẫn đến sự trao đổi sản phẩm trong xã hội. Nó là cơ sở, là tiền đề của trao đổi sản phẩm giữa những người sản xuất. Do phân công lao động xã hội, mỗi người chỉ sản xuất ra một hay một loại sản phẩm nhất định nhưng nhu cầu cuộc sống đòi hỏi phải có nhiều loại sản phẩm khác nhau. Vì vậy, để tồn tại họ phải trao đổi sản phẩm với nhau.
* Như vậy, phân công lao động xã hội dẫn đến kết quả là mọi người sản xuất trong xã hội phải trao đổi sản phẩm cho nhau, phụ thuộc vào nhau. Phân công lao động càng phát triển thì càng làm cho trao đổi sản phẩm trở nên phổ biến hơn, đa dạng hơn. Tuy nhiên, phân công lao động xã hội chỉ mới là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Các Mác đã chứng minh rằng trong công xã thị tộc Ấn Độ thời cổ, đã có sự phân công lao động khá chi tiết, nhưng sản phẩm lao động chưa trở thành hàng hoá. Bởi vì tư liệu sản xuất là của chung nên sản phẩm của từng nhóm sản xuất chuyên mộn hóa cũng là của chung; công xã phân phối trực tiếp cho từng thành viên để thỏa mãn nhu cầu.

1. Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế của những người sản xuất :

* Sự tách biệt này do các quan hệ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất, mà khởi đầu là chế độ tư hữu nhỏ đã xác định người sản xuất là người sở hữu sản phẩm lao động. C.Mác cũng nhận định: “Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như là những hàng hóa”.
* Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thực chất là tư liệu sản xuất trong xã hội thuộc về các cá nhân khác nhau, còn gọi là sở hữu tư nhân. Nó ra đời cùng với quá trình tan rã của chế độ công xã nguyên thủy. Khi lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên, xuất hiện sản phẩm thặng dư, một số người có quyền lực trong công xã (các tù trường, các tộc trường) có ý định và có điều kiện chiếm đoạt sản phẩm thặng dư làm của riêng. Quan hệ sở hữu tư nhân dần dần được hình thành và phát triển trên cơ sở lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ xã hội hóa sản xuất phát triển. Quan hệ sở hữu tư nhân đã xác định người sở hữu tư liệu sản xuất là người sở hữu sản phẩm lao động. Điều này làm cho những người sản xuất hàng hoá độc lập với nhau và mỗi người có quyền chi phối về sản phẩm của mình. Mặt khác, họ lại nằm trong hệ thống phân công lao động xã hội nên họ phụ thuộc lẫn nhau về sản xuất và tiêu dùng. Trong điều kiện ấy người này muốn tiêu dùng sản phẩm của người khác phải thông qua sự mua bán hàng hoá, tức là phải trao đổi dưới hình thái hàng hoá.
* Như vậy, phân công lao động xã hội làm nảy sinh các quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất trong xã hội, làm cho họ có liên quan đến nhau, phải dựa vào nhau, trao đổi sản phẩm cho nhau. Còn sự tồn tại của chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đã làm tách biệt về lợi ích kinh tế giữa những người sản xuất trong xã hội, làm cho họ độc lập với nhau. Đây là một mâu thuẫn, mâu thuẫn này chỉ được giải quyết thông qua trao đổi, mua – bán sản phẩm của nhau. Đó là hai điều kiện cần và đủ để sản xuất hàng hoá ra đời và tồn tại. Thiếu một trong hai điều kiện ấy, sản xuất hàng hóa sẽ không thể tồn tại. Kinh tế hàng hóa, đối lập với kinh tế tự nhiên, sản phẩm trước khi đi vào tiêu dùng phải qua khâu phân phối lưu thông. Thị trường vừa là kết quả của sản xuất hàng hóa vừa là điều kiện của sản xuất hàng hóa. Sự tách biệt giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa hàng hóa và tiền đã dẫn tới sự không khớp nhau về khối lượng, tiến độ, thời gian sản xuất và tiêu dùng hàng hóa. Khi sản xuất xã hội càng phát triển thì đa số nhu cầu của con người được đáp ứng thông qua thị trường. Bản thân sự tiêu dùng (tiêu dùng cho cá nhân và tiêu dùng cho sản xuất) luôn đòi hỏi sự đồng bộ cao, nếu không tiêu dùng không thực hiện được. Trên thị trường có hai nhóm người hoạt động: nhóm thứ nhất là những người mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ; nhóm thứ hai là những người bán hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho tiêu dùng. Sự phân nhóm này chỉ là tương đối và với mỗi người khi này thì thuộc nhóm người mua nhưng khi khác lại thuộc nhóm người bán. Thị trường là giao điểm gặp gỡ, tác động của hai nhóm người này. Cùng thông qua thị trường để giải quyết mâu thuẫn giữa người mua và người bán, bảo đảm thực hiện cân đối giữa cung và cầu. Mâu thuẫn trên thị trường phản ánh mâu thuẫn kinh tế, chính trị, xã hội. Khi mâu thuẫn được giải quyết thì người mua, người bán, người sản xuất, người tiêu dùng đều thực hiện được mục tiêu của mình. Những ách tắc trên thị trường có nguy cơ dẫn tới khung hoàng kinh tế, mâu thuẫn gây mất ổn định xã hội. Phát triển thị trường là điều kiện để phát triển sản xuất hàng hóa, suy rộng ra là điều kiện của sự phồn thịnh kinh tế xã hội.
* Như vậy, phân công lao động xã hội làm người sản xuất phụ thuộc vào nhau, còn chế độ tư hữu lại chia rẽ làm họ độc lập với nhau. Đây là một mâu thuẫn lớn, chỉ có thể giải quyết thông qua việc trao đổi, mua bán sản phẩm với nhau.

3. Liên hệ

Kinh tế hàng hóa thúc đẩy quan hệ hợp tác, liên kết và cạnh tranh giữa các đơn vị kinh tế trong khuôn khổ pháp luật buộc người sản xuẩt phải tuân theo sự lựa chọn của người tiêu dùng thay cho sự điều chỉnh bằng mệnh lệnh hành chính.

Ở nước ta cần xác định nền kinh tế theo định hướng XHCN, là nền kinh tế hàng hóa, điều đó do chính bản thân sự vận động của nền kinh tế nước ta quy định.

* Muốn phá vỡ tính chất tự cấp, tự túc của nền kinh tế, tất yếu phải phát triển sản xuất hàng hóa để phát huy những ưu thế của nền kinh tế.
* Các điều kiện chung cho sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế hàng hóa đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế nước ta, đó là phân công lao động xã hội ngày càng phát triển, mở rộng trong nền kinh tế.
* Phát triển kinh tế hàng hóa là con đường dân chủ đời sống kinh tế, phải giải phóng tiềm năng phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Phát triển công nghiệp theo hướng tập trung đầu tư khai thác có hiệu quả tiềm năng về thủy điện: khai thác lợi thế về nguồn nguyên liệu để đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản như công nghiệp chế biến cao su, điều, cà phê, bông vải, và các loại nông sản khác, chế biến sản phẩm chăn nuôi, vật liệu xây dựng các ngành hàng tiểu thủ công nghiệp truyền thống, ....

Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đây là yếu tố nền tảng, tạo tiền đề cho quá trình phát triển, là trọng điểm xuyên suốt trong quy hoạch phát triển 10 đến 15 năm tới. Ưu tiên đầu tư hoàn thiện mạng lưới giao thông và hệ thống thủy lợi. Tiếp tục xây dựng các mạng lưới điện, cấp nước, bưu chính viễn thông. Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng biên giới, mở cửa khẩu Đăk Ruê. Phát triển và mở rộng hệ thống đô thị, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị hạt nhân và là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, y tế, dịch vụ, du lịch thể dục thể thao của tỉnh Đăk Lăk và vùng Tây Nguyên. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương trong viêc tham gia tích cực vào quá trình phát triển cùng với các địa phương, lãnh thổ trong Tam giác Việt Nam – Lào – Campuchia.

Tạo bước chuyển biến vượt bậc trong du lịch , dịch vụ với mức tăng trưởng cao. Tập trung đầu tư các cụm du lịch trọng điểm Buôn Ma Thuật, Buôn Đôn, hồ Lăk.... Nâng cao năng lực và chất lượng, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Tăng cường liên doanh liên kết với các vùng lân cận và cả nước, đặc biệt là với TP. Hồ Chí Minh, vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Duyên Hải miền Trung trong phát triển du lịch, dịch vụ, xuất khẩu, trao đổi hàng hóa. Phát triển nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa, đầu tư chiều sâu, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Hình thành các vùng trọng điểm, sản xuất tập trung cây trồng, vật nuôi chủ lực , mũi nhọn của tỉnh. Đẩy mạnh việc giao đất giao rừng , tổ chức khuyến nông, khuyến lâm và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ổn định sản xuất, nâng cao đời sống.

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn lực, đào tạo tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý các doanh nhân , công nhân lành nghề, xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

KẾT LUẬN

Bài tiểu luận đã phân tích đầy đủ những điều kiện về sự ra đời của nền sản xuất hàng hóa và liên hệ ở Việt Nam. Sản xuất hàng hóa là một quá trình tạo ra sản phẩm hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu nào đó của con người. Chính vì vậy việc nghiên cứu điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế sản xuất hàng hóa là việc làm giúp ta hiểu sâu hơn về quá trình ra đời của hàng hóa. Từ đó liên hệ với nước nhà, nhằm giúpquá trình sản xuất hàng hóa của nước ta càng phát triển với chất lượng cao hơn. Đây là điều hết sức quan trọng và cần thiết cho sự phát triển kinh tế nước nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

<https://timviec365.com/blog/the-nao-la-san-xuat-hang-hoa-new2834.html>

<https://luathoangphi.vn/dieu-kien-ra-doi-va-ton-tai-cua-san-xuat-hang-hoa-y-nghia-thuc-tien-doi-voi-viet-nam/?fbclid=IwAR3Ex1SyB9KpjiVdfcIY8eqdcW-SYTOYfQwClxGXkNh7NqDyPJZwwe5MTlk>

https://123docz.net/document/3328158-nhung-dieu-kien-ra-doi-ton-tai-va-phat-trien-cua-san-xuat-hang-hoa.htm?fbclid=IwAR0QQ88E8859V3nx6C0eSZiTjDxLnAMSLg3QGdQxcTKfASnCloEacWQIc9M#google\_vignette

<https://123docz.net/document/2778884-phan-tich-dieu-kien-ra-doi-dac-trung-va-uu-the-cua-san-xuat-hang-hoa-lien-he-thuc-tien-nuoc-ta-hien-nay.htm?fbclid=IwAR0yNkLo2XDkFapWhLvrvIrEr4RSchA_VYbG9Lleq4RkXZbyco-OtSURm0A>

<https://123docz.net/document/3328158-nhung-dieu-kien-ra-doi-ton-tai-va-phat-trien-cua-san-xuat-hang-hoa.htm?fbclid=IwAR3GPHfqUj8wIf12pwAy1VrhT9pC6_YFL-5q0U7n5pdWtdhFF4EyeSW9O58#google_vignette>

-------------------------------------------------------------------------------------------------